

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 260/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa:

1/ *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ *Bị đơn*: Ông Tô Thanh H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Tô Thanh H: Bà Nguyễn Thị Á là luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Thị Á, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T.

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số B lán H, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T1 - Giám đốc chi nhánh huyện C.

Người được ủy quyền lại: Bà Trần Thị Kim B - Phó Phụ trách phòng khách hàng Ngân hàng N, Chi nhánh huyện C (Theo giấy ủy quyền số 288/GUQ-NHN_o.CL.TH ngày 04/6/2024);

- Anh Tô Minh T2, sinh năm 1993;

- Anh Tô Duy K, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 60 và Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Tô Thanh H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Có 02 con chung là Tô Minh T2, sinh ngày 05/10/1993 và Tô Duy K, sinh ngày 08/12/1999. Hiện hai con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

*. Bà Lê Thị T và ông Tô Thanh H thống nhất tài sản chung của vợ chồng gồm:

Thửa đất số 361, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.891,6m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS01228 ngày 12/6/2017 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho hộ là Lê Thị T, thửa đất tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang và cây trồng gắn liền với thửa đất 361 gồm: 16 cây sầu riêng loại A, 12 cây sầu riêng loại B1, 23 cây sầu riêng loại B2, 4 cây sầu riêng loại C, 7 cây sầu riêng loại D, 25 cây tắc loại A, 02 bụi chuối loại 3, 01 cây cam sành loại B1.

Một căn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 361 tờ bản đồ số 15, diện tích 1.891,6m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS01228 ngày 12/6/2017 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho hộ là Lê Thị T, nhà có kết cấu mái tole, kèo gỗ + thép, cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch ceramic 500x500, có trần, có khu phụ, diện tích nhà 126,28m² nhà có giá trị 447.334.272 đồng.

*. Bà Lê Thị T và ông Tô Thanh H thỏa thuận phân chia tài sản như sau:

+ Chia cho bà T phần đất diện tích 1.032,9m² ký hiệu S1 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 12/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vị trí thửa đất như sau:

Phía Bắc giáp thửa 344;

Phía Nam giáp đường B;

Phía Đông giáp phần đất ký hiệu S2 của thửa 361;

Phía Tây giáp thửa số 360.

+ Chia cho bà T một căn nhà cấp 4 nằm trên phần đất diện tích 1.032,9m² ký hiệu S1 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 12/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang, nhà có kết cấu mái tole, kèo gỗ + thép, cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch ceramic 500x500, có trần, có khu phụ, diện tích nhà 126,28m²;

Bà T có nghĩa vụ hoàn lại ½ giá trị căn nhà cho ông H với số tiền 223.667.000 đồng, hoàn lại trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 29/8/2024.

Chia cho bà T cây trồng trên phần đất diện tích 1.032,9m² ký hiệu S1 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 12/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang gồm: 08 cây sầu riêng loại A, 04 cây sầu riêng loại B1, 13 cây sầu riêng loại B2, 02 cây sầu riêng loại C, 02 cây sầu riêng loại D, 12 cây tắc loại A.

Tổng giá trị tài sản bà T được chia là: 1.057.805.836 đồng.

+ Chia cho ông H phần đất diện tích 665,4m² ký hiệu S2 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 12/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vị trí thửa đất như sau:

Phía Bắc giáp thửa 344;

Phía Nam giáp đường B;

Phía Đông giáp phần đất ký hiệu S3 của thửa 361;

Phía Tây giáp phần đất ký hiệu S1 của thửa 361.

+ Chia cho ông H phần đất diện tích 193,3m² ký hiệu S3 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 12/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vị trí thửa đất như sau:

Phía Bắc giáp thửa 344;

Phía Nam giáp đường B;

Phía Đông giáp thửa 362 và thửa 363;

Phía Tây giáp phần đất ký hiệu S2 của thửa 361.

Tổng diện tích phần đất ông H được chia là 858,7m² (S1+S2)

+ Chia cho ông H các cây trồng trên phần đất ký hiệu S2 và S3 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 12/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang gồm: 08 cây sầu riêng loại A, 08 cây sầu riêng loại B1, 10 cây sầu riêng loại B2, 02 cây sầu riêng loại C, 05 cây sầu riêng loại D, 13 cây tắc loại A, 02 bụi chuối loại 3, 01 cây cam sành loại B1.

+ Chia cho ông H ½ giá trị căn nhà với số tiền 223.667.000đồng (bà T có nghĩa vụ hoàn lại cho ông H số tiền 223.667.000đồng trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 29/8/2024).

Tổng giá trị tài sản ông H được chia là: 1.007.534.236đồng.

- Về nợ chung: không có.

(Có sơ đồ kèm theo)

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật, các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

- Về án phí:

+ Bà T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 21.867.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung, được trừ vào 2.175.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002713 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên bà T phải nộp tiếp 19.842.000 đồng.

+ Ông H tự nguyện chịu 21.113.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- UBND xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Giang